TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/HS-ST
Ngày 01 tháng 04 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Thanh Hải.

2. Bà Hà Thị Dung.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Khánh Tùng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Nông Anh Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 04 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2024/TLST-HS ngày 30/01/2024; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 02 năm 2024 đối với hai bị cáo:

1. Bàn Phúc K (tên gọi khác: Không), sinh năm 1981.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: xóm N, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bàn Như H (đã chết) và bà Dương Thị H1; có vợ là Triệu Thị T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 09/11/2023 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo K *theo chỉ định*: Ông Đào Anh T1 - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. Có mặt.

2. Bàn Phúc L (tên gọi khác: Không), sinh năm 1986.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: xóm N, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bàn Như H (đã chết) và bà Dương Thị H1; có vợ là Triệu Thị N và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, bắt tạm giam từ ngày 09/11/2023 đến nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo L *theo chỉ định*: Bà Vi Khánh P - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. Có mặt.

***** *Người chứng kiến*: Anh Triệu Văn L1, sinh năm 1979; Địa chỉ: xóm N, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/3/2009, sau khi ông Bàn Như H, sinh năm 1960, trú tại xóm N, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên chết, Bàn Phúc K, sinh năm 1981 và Bàn Phúc L, sinh năm 1986 cùng trú tại xóm N, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên (là 02 con đẻ của ông H) đến dọn phòng ngủ của ông H để chuẩn bị đám tang. Quá trình dọn phòng, Bàn Phúc K và Bàn Phúc L thấy 01 khẩu súng dài khoảng 01 mét, 01 túi vải màu đen bên trong là 01 túi nilon màu trắng chứa 11 viên đạn có kích thước giống nhau, K đã cầm khẩu súng và túi vải màu đen về nơi ở của mình cất giấu, mục đích để sử dụng săn bắn động vật. Sau đó trong khoảng tháng 3/2023, K đã mang khẩu súng trên đến khu rừng cách mình khoảng 500 mét *(Không xác định được vị trí cụ thể)* dùng 01 viên đạn bắn chết 01 con hươu. Đến khoảng cuối tháng 3/2023, K gặp L và kể về việc dùng súng khẩu súng trên bắn được 01 con hươu, L liền hỏi mượn súng của K để về bắn chim cắt, K đồng ý và về nhà lấy khẩu súng cùng túi vải đựng 07 viên đạn mang đến nhà L. Nhận súng, đạn L đã cất giấu tại vị trí dưới lớp bạt che trên mái lá cọ của lán để củi phía sau bếp nhà mình. Khoảng tháng 10/2023, khi thấy có chim cắt, L đã lấy khẩu súng và bắn 02 phát nhưng không trúng. Sau khi bắn thì L nhặt 02 vỏ đạn để vào túi vải màu đen đựng 05 viên đạn còn lại, rồi mang khẩu súng về cất giấu ở chỗ cũ, còn túi vải đen đựng 05 viên đạn và 02 vỏ đạn L cất giấu tại đầu giường kê tại phòng ngủ của Bàn Thị H2 (là con riêng của vợ Bàn Phúc L).

Cách thức các bị cáo sử dụng súng là: Khi thấy thú rừng, chim thú muốn bắn thì dùng tay gạt "quy lát" lên rồi kéo về phía sau, sau đó bỏ viên đạn vào nòng súng rồi kéo đẩy "quy lát" về vị trí ban đầu. Khi muốn nổ súng thì dùng tay bóp "cò" thì súng sẽ phát ra tiếng nổ, chì trong vỏ cát tút sẽ bị đẩy ra khỏi đầu nòng súng bay về phía trước còn vỏ cát tút thì mắc ở lại.

Ngày 09/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V khám xét khẩn cấp tại nơi ở của Bàn Phúc L, thu giữ:

- Trên mái nhà lợp bằng lá cọ để củi ở phía sau nhà: 01 khẩu súng có chiều dài 100cm, nòng súng bằng kim loại dài 72cm, đường kính nòng 01cm, báng súng bằng gỗ đài 75 cm, có 01 dây đeo bằng vải màu vàng cam *(Niêm phong ký hiệu M4)*.

- Tại đầu giường kê trong phòng ngủ của Bàn Thị H2: 01 túi vải màu đen, bên trong đựng 01 túi nilon màu trắng chứa 05 viên đạn và 02 vỏ đạn đều có màu vàng đồng, có chiều dài 5,5 cm *(Niêm phong ký hiệu M1, M2)*.

Tại Kết luận giám định số 1275/KL-KTHS ngày 15/11/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T*, kết luận*:

- Khẩu súng trong hộp niêm phong ký hiệu M4 gửi giám định là súng bắn đạn cỡ 7,62x54mm, thuộc vũ khí quân dụng. Hiện khẩu súng còn sử dụng để bắn được.

- 05 viên đạn trong phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là đạn ghém tự chế, thuộc vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự đạn của súng săn, không phải là vũ khí quân dụng. 05 viên dạn trên sử dụng để bắn được cho khẩu súng gửi giám định. 02 vỏ đạn trong phong bì niêm phong kí hiệu M2 gửi giám định là vỏ đạn ghém tự chế, loại đạn này thuộc vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự đạn của súng săn, không phải vũ khí quân dụng.

Xác minh tài sản tại nơi cư trú: Các bị cáo không có tài sản gì có giá trị.

Vật chứng vụ án là: 01 khẩu súng dài 100cm, nòng kim loại dài 72cm, đường kính nòng 01cm, báng súng bằng gỗ dài 75cm, hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh T*;* 05 viên đạn và 02 vỏ đạn đều có chiều dài 5,5cm đã được Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh T chuyển đến Công an huyện V, để xử lý theo quy định.

Tại Bản cáo trạng số 19/CT-VKSTN ngày 29/01/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Bàn Phúc Kim, Bàn Phúc Lâm về tội *"Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng"* theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố hai bị cáo Bàn Phúc K, Bàn Phúc L phạm tội *"Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng"*.

Áp dụng: khoản 1 Điều 304; điểm m, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt:

- Bàn Phúc K mức án từ **5** đến **8** tháng tù.

- Bàn Phúc L mức án từ **5** đến **8** tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho hai bị cáo.

Về xử lý vật chứng đề nghị: Giao khẩu súng tự chế cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh T xử lý theo quy định.

Về án phí: Miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho hai bị cáo.

Tại phiên tòa, hai bị cáo Bàn Phúc K, Bàn Phúc L đã thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội, nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo K: Nhất trí về tội danh và điều luật áp dụng mà Kiểm sát viên đã nêu trong Bản luận tội. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn của huyện V, không biết đọc, không biết viết, hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, con còn nhỏ. Ngoài ra, bố bị cáo là ông Bàn Như H có tham gia chiến đấu bảo vệ biên giới phía

Bắc. Do vậy, ngoài những tình tiết giảm nhẹ mà Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo K mức án thấp nhất và miễn hình phạt bổ sung, miễn án phí cho bị cáo.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo L: Nhất trí về tội danh và điều luật áp dụng mà Kiểm sát viên đã nêu trong Bản luận tội. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xóm và xã là vùng kinh tế đặc biệt khó khăn của huyện V, không biết đọc, không biết viết, hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, con còn nhỏ. Ngoài ra, bố bị cáo là ông Bàn Như H có tham gia chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo L mức án thấp nhất và miễn hình phạt bổ sung, miễn án phí cho bị cáo.

Đại diện viện kiểm sát đối đáp: Mặc dù các bị cáo có đơn đề nghị xem xét về việc bố bị cáo có tham gia chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc. Tuy nhiên, do gia đình bị cáo không cung cấp được giấy tờ tài liệu gì nên Ủy ban nhân dân xã L, huyện V chỉ xác nhận về hộ khẩu chứ không xác nhận việc bố hai bị cáo có tham gia chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc nên không có căn cứ chấp nhận cho hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Người bào chữa cho hai bị cáo không đối đáp gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Hai bị cáo nhất trí với ý kiến của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận, thừa nhận nội dung truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, không oan sai. Lời nói sau cùng, hai bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên; Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, người chứng kiến đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, kiểm sát viên, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt người chứng kiến. Xét thấy, trong hồ sơ đã có lời khai của người chứng kiến nên sự vắng mặt họ không gây

trở ngại cho quá trình xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật.

[2] Về căn cứ buộc tội: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà hôm nay là khách quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám xét, kết luận giám định súng đạn và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ năm 2009 đến 2023, tại xóm N, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên, hai bị cáo Bàn Phúc K và Bàn Phúc L đã có hành vi cất giấu 01 khẩu súng bắn đạn cỡ 7,62mm x 54mm là vũ khí quân dụng tại nơi ở của các bị cáo. Các bị cáo đã sử dụng khẩu súng trên để săn bắn thú rừng, cụ thể: Khoảng tháng 3/2023, tại vị trí cách nơi ở của gia đình bị cáo K khoảng 500 mét, bị cáo K đã sử dụng khẩu súng để bắn chết 01 con hươu; Khoảng tháng 10/2023, bị cáo L đã sử dụng khẩu súng để bắn chim cắt *(Các bị cáo không xác định được chính xác thời gian, địa điểm cụ thể)*. Sau đó L cất giấu súng tại nơi ở của mình đến ngày 09/11/2023 bị Công an huyện V, tỉnh Thái Nguyên phát hiện, thu giữ vật chứng.

Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng"* theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự.

Do đó, cáo trạng số 19/CT-VKSTN ngày 29/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố hai bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội, không oan.

Nội dung điều luật quy định:

Điều 304: Tội tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng

"1. Người nào chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 07 năm".

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm".

[3]. Xét tính chất, hành vi phạm tội của hai bị cáo:

Hành vi của các bị cáo cũng gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý vũ khí quân dụng của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu tới trật tự an ninh, an toàn xã hội tại địa phương và gây tác hại về nhiều mặt đối với đời sống xã hội. Nên cần xử lý nghiêm các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thấy rằng:

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, hai bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ thái độ ăn năn về hành vi phạm tội của mình; hai bị cáo là anh em ruột, là người dân tộc thiểu số (dân tộc Dao), sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn của huyện V, tỉnh Thái Nguyên, không được học tập, không biết đọc, không biết viết (trình độ văn hoá 0/12), nhà các bị cáo cách xa trung tâm xã (khoảng 30km), hiểu biết pháp luật hạn chế nên hai bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phạm tội do lạc hậu quy định tại điểm m, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- *Về nhân thân*: Cả hai bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Khi lượng hình Hội đồng xét xử thấy:

Hai bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, súng đạn đã thu giữ là do bố của hai bị cáo chết để lại chứ không phải do các bị cáo mua bán mà có; các bị cáo là người dân tộc thiểu số không biết viết, không biết chữ nên nhận thức pháp luật hạn chế không giao nộp thông báo cho cơ quan có thẩm quyền, các bị cáo lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên có đủ căn cứ để áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhẹ nhất của Điều luật.

Đối với ý kiến của người bào chữa cho hai bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về việc bố hai bị cáo là người có công, tham gia chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc và đề nghị cho các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù các bị cáo có đơn đề nghị gửi Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên xem xét xác nhận về việc bố bị cáo có tham gia chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc. Tuy nhiên, do gia đình các bị cáo không cung cấp được giấy tờ tài liệu gì cho yêu cầu trên nên Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên chỉ xác nhận về hộ khẩu chứ không xác nhận việc bố hai bị cáo là ông Bàn Như H có tham gia chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc nên không có căn cứ chấp nhận cho hai bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy ý kiến đề nghị của người bào chữa cho hai bị cáo về cơ bản là phù hợp được chấp nhận; không có căn cứ chấp nhận đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho hai bị cáo. Mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên toà hôm nay đối với các bị cáo là phù hợp, được chấp nhận.

[6] *Về hình phạt bổ sung:* Theo tài liệu, chứng cứ (Biên bản xác minh tài sản tại nơi cư trú) và lời khai của các bị cáo tại phiên toà đều thể hiện các bị cáo đều làm ruộng, là dân tộc thiểu số, hiện không có thu nhập, không có tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] *Về vật chứng*: Đối với 01 súng bắn cỡ 7,62mm x 54mm được niêm phong ký hiệu A, cần giao cho Cục thi hành án Dân sự tỉnh Thái Nguyên phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh T xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] *Về án phí*: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số (dân tộc Dao), sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho hai bị cáo.

[9] Trong vụ án này: Ngoài hành vi Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự của hai bị cáo như đã nêu trên, bị cáo Bàn Phúc K còn có hành vi Tàng trữ 11 viên đạn ghém tự chế thuộc vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự đạn của súng săn và hành vi tàng trữ 07 viên đạn ghém tự chế thuộc vũ khí có tính năng, tác dụng tương tự đạn của súng săn của Bàn Phúc L không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, còn thời hiệu xử lý vi phạm hành chính. Do do vậy Công an tỉnh T đã chuyển những đồ vật và tài liệu liên quan đến Công an huyện V báo cáo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật là phù hợp, cụ thể:

Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 175/QĐ-XPHC ngày 05/02/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V xử phạt vi phạm hành chính số tiền 15.000.000 đồng về hành vi "*Tàng trữ trái phép các loại vũ khí có tính năng tác dụng tương tự súng săn*" đối với Bàn Phúc L;

Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 176/QĐ-XPHC ngày 05/02/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V xử phạt vi phạm hành chính số tiền 15.000.000 đồng về hành vi "*Tàng trữ trái phép các loại vũ khí có tính năng tác dụng tương tự súng săn*" đối với Bàn Phúc K;

Các bị cáo đã nộp phạt số tiền trên tại Biên lai thu thuế, phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính số 0651462 ngày 01/3/2024 đối với bị cáo Bàn Phúc L và Biên lai thu thuế, phí, lệ phí và thu phạt vi phạm hành chính số 0651657 ngày 01/3/2024 đối với bị cáo Bàn Phúc K.

[10] Các nội dung có liên quan khác:

Quá trình điều tra các bị cáo khai đã sử dụng súng nhiều lần nhưng không xác định chính xác được thời gian, địa điểm cụ thể, nên Cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để điều tra, xác minh làm rõ.

Đối với: Bàn Tài P1, Triệu Thị T, Dương Thị H1, Bàn Thị N1, Triệu Thị N (là người thân, sống cùng tại nơi ở của các bị cáo), do những người này không biết và liên quan gì đến hành vi phạm tội của các bị cáo, nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý.

Về nguồn gốc vũ khí quân dụng theo lời khai của các bị cáo là của ông Bàn Như H (bố đẻ hai bị cáo), do ông H đã chết nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xem xét, xử lý.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố hai bị cáo Bàn Phúc K và Bàn Phúc L phạm tội "Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm m, s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt:

- Bị cáo Bàn Phúc K **05** (Năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/11/2023.

- Bị cáo Bàn Phúc L **05** (Năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/11/2023.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam hai bị cáo Bàn Phúc K và Bàn Phúc L mỗi bị cáo 09 (Chín) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án. Hết thời hạn này đề nghị trại tạm giam Công an tỉnh T có trách nhiệm trả tự do cho hai bị cáo Bàn Phúc K và Bàn Phúc L nếu hai bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

2.2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho hai bị cáo Bàn Phúc K và Bàn Phúc L.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Giao cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên phối hợp với Bộ chỉ huy quân sự tỉnh T tịch thu, tiêu hủy 01 Súng bắn cỡ cỡ 7,62mm x 54mm được niêm phong ký hiệu A theo quy định pháp luật.

(Vật chứng theo Quyết định về việc tiếp nhận, quản lý vật chứng vụ án chờ xét xử số 795/QĐ-BCH ngày 05/12/2023 và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/12/2023 giữa Phòng K2 Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thái Nguyên với Cơ quan ANĐT Công an tỉnh T).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho hai bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Hai bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác.
- Lưu hồ sơ, VT.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Toàn